ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02 /2023/QĐ-UBND	*Kon Tum, ngày 10 tháng 02 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng thực hiện dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng, thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về việc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-UBDT ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 177/TTr-STC ngày 13 tháng 01 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng thực hiện dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng, thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2023.

Điều 3. Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Các Bộ: Kế hoạch và đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp;
- Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Báo Kon Tum
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh; Công báo tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh; CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, KTTH.VTD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Lê Ngọc Tuấn

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng thực hiện dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng, thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02 /2023/QĐ-UBND ngày10 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về Cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng thực hiện dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Những nội dung khác không được quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị địa phương, các tổ chức và đối tượng tham gia hoặc có liên quan đến việc giao vốn hỗ trợ thực hiện dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum, được quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Hình thức, tỷ lệ thu hồi để quay vòng và thời gian thu hồi vốn quay vòng

1. Hình thức thu hồi để quay vòng: Bằng tiền.

2. Tỷ lệ thu hồi để quay vòng: Tỷ lệ phần trăm (%) phần vốn thu hồi để quay vòng tính trên số kinh phí được ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ trực tiếp thực hiện từng dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng. Trong đó:

a) Dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản.

- Dự án, phương án lĩnh vực trồng trọt:

+ Cây ngắn ngày có chu kỳ sản xuất dưới 01 năm: Tỷ lệ thu hồi để quay vòng 30%/dự án.

+ Các loại cây trồng còn lại: Tỷ lệ thu hồi để quay vòng 35%/dự án.

Trong đó, chu kỳ sản xuất được tính từ thời điểm bắt đầu trồng hoặc chăm sóc đến khi thu hoạch, khai thác sản phẩm.

- Dự án, phương án lĩnh vực chăn nuôi:

+ Gia súc, gia cầm : Tỷ lệ thu hồi để quay vòng 30%/dự án.

+ Đại gia súc : Tỷ lệ thu hồi để quay vòng 35%/dự án.

- Dự án, phương án lĩnh vực nuôi trồng thủy sản: Tỷ lệ thu hồi để quay vòng 30%/dự án.

- Dự án, phương án nuôi ong mật và con vật khác có chu kỳ sản xuất dưới 01 năm: Tỷ lệ thu hồi để quay vòng 30%/dự án.

Trong đó: Chu kỳ sản xuất được tính từ thời điểm bắt đầu nuôi hoặc chăm sóc đến khi xuất chuồng.

- Dự án, phương án lĩnh vực lâm nghiệp: Tỷ lệ thu hồi để quay vòng 35%/dự án.

b) Dự án, phương án lĩnh vực phát triển ngành nghề và dịch vụ: Tỷ lệ thu hồi để quay vòng 30%/dự án.

c) Dự án, phương án đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật: Tỷ lệ thu hồi để quay vòng 30%/dự án.

3. Xác định vốn thu hồi để quay vòng: Căn cứ tỷ lệ thu hồi để quay vòng quy định tại khoản 2 Điều này, và số kinh phí được ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ trực tiếp cho từng dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng để xác định vốn thu hồi để quay vòng.

4. Thời gian thu hồi vốn quay vòng: Tối đa không quá 03 tháng kể từ khi dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng kết thúc hoặc kết thúc chu kỳ sản xuất theo dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng.

5. Tỷ lệ quay vòng, thời gian hoặc thời điểm thu hồi vốn quay vòng, và số vốn thu hồi để quay vòng phải được thể hiện rõ trong quyết định phê duyệt dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng.

Điều 4. Cách thức xử lý trong trường hợp rủi ro do nguyên nhân khách quan hoặc chủ quan

Trường hợp trong quá trình triển khai dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng phải tạm dừng, hủy bỏ hoặc triển khai không có hiệu quả do các nguyên nhân như: thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn hoặc các nguyên nhân bất khả kháng khác xảy ra một cách khách quan, không thể tiên liệu được và không thể khắc phục được, mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong điều kiện và khả năng cho phép, dẫn đến không có kết quả đầu ra theo kế hoạch, thì cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án, phương án xem xét quyết định việc thu hẹp phạm vi hoặc tạm dừng dự án, phương án, tạm dừng thực hiện quay vòng, và xem xét quyết định thu hồi vốn quay vòng.

1. Cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng *(sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị)* chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, và đại diện cộng đồng dân cư lập biên bản xác định thiệt hại, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án, phương án để đánh giá xác định mức độ thiệt hại theo đúng quy định.

2. Căn cứ tỷ lệ thiệt hại so với hiệu quả, kết quả đầu ra theo quyết định phê duyệt dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng, để xác định thu hồi vốn quay vòng và gia hạn thời gian thu hồi vốn quay vòng, như sau :

a) Thiệt hại dưới 30%: Thời gian gia hạn thu hồi vốn quay vòng tối đa 6 tháng. Tỷ lệ thu hồi quay vòng bằng 80% tỷ lệ quay vòng quy định tại khoản 2 Điều 3 quy định này.

b) Thiệt hại từ 30% đến 50%: Thời gian gia hạn thu hồi vốn quay vòng tối đa 9 tháng. Tỷ lệ thu hồi quay vòng bằng 60% tỷ lệ quay vòng quy định tại khoản 2 Điều 3 quy định này.

c) Thiệt hại từ 50% đến 70%: Thời gian gia hạn thu hồi vốn quay vòng tối đa 12 tháng. Tỷ lệ thu hồi quay vòng bằng 40% tỷ lệ quay vòng quy định tại khoản 2 Điều 3 quy định này.

d) Thiệt hại từ 70% trở lên: Không thực hiện thu hồi vốn quay vòng.

3. Hướng dẫn xác nhận mức độ thiệt lại: Thực hiện theo quy định hiện hành và hướng dẫn của liên ngành Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc.

Điều 5. Quản lý và luân chuyển sử dụng kinh phí từ vốn quay vòng.

1. Trình tự thu hồi vốn quay vòng.

a) Kết thúc dự án hoặc kết thúc chu kỳ sản xuất của dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng; Trên cơ sở báo cáo và đề xuất của cơ quan, đơn vị; Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định thu hồi vốn quay vòng để cơ quan, đơn vị phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai công tác thu hồi vốn quay vòng.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ quyết định thu hồi vốn quay vòng của Ủy ban nhân dân cấp huyện, hướng dẫn Người đại diện cộng đồng dân cư, nhận số vốn thu hồi quay vòng (bằng tiền) từ các đối tượng thực hiện dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng nộp vào tài khoản tiền gửi của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội mở tại kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

Đối với dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025: Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế tiếp nhận quản lý vốn quay vòng.

- Tên tài khoản: Vốn quay vòng các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế cộng đồng.

- Chủ tài khoản: Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế.

Đối với dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận quản lý vốn quay vòng.

- Tên tài khoản: Vốn quay vòng các dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

- Chủ tài khoản: Lãnh đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Quản lý và luân chuyển sử dụng vốn quay vòng.

a) Nguồn kinh phí từ vốn quay vòng tiếp tục bố trí cho các dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án, phương án theo quy định.

Hàng năm, căn cứ dự toán kinh phí sự nghiệp bố trí thực hiện dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia, và số kinh phí từ vốn quay vòng, Ủy ban nhân dân cấp huyện giao: Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Dân tộc tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phân bổ kinh phí cho từng dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy trình, quy định hiện hành.

b) Số kinh phí từ vốn quay vòng được tổng hợp theo dõi và quản lý theo từng địa bàn xã, và thực hiện ưu tiên phân bổ cho các dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng mới trên địa bàn xã đó (trường hợp xã có nhu cầu).

c) Định kỳ hàng năm, trước ngày 31/01 năm sau năm kế hoạch: Cơ quan, đơn vị phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, lập báo cáo công tác triển khai thực hiện các dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng và tình hình quản lý, sử dụng vốn thu hồi để quay vòng, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định.

d) Kết thúc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, toàn bộ kinh phí từ vốn thu hồi để quay vòng được thu hồi và nộp vào ngân sách nhà nước.

đ) Cơ quan, đơn vị được giao quản lý kinh phí và thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất từ nguồn vốn quay vòng, thực hiện hạch toán kế toán, quản lý kinh phí trên hệ thống kế toán và thực hiện báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính theo chế độ quy định hiện hành.

Điều 6. Quy trình theo dõi, kiểm tra, giám sát.

1. Theo dõi, kiểm tra, giám sát của các cơ quan, đơn vị được phân bổ kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện theo dõi, kiểm tra hoạt động quản lý, tổ chức quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng của từng dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia triển khai trên địa bàn.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo nội dung của dự án, phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến cộng đồng dân cư thực hiện dự án, phương án bao gồm cả tỷ lệ quay vòng, phần vốn thu hồi để quay vòng, thời gian hoặc thời điểm thu hồi vốn quay vòng; theo dõi, đánh giá việc thực hiện dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng trên địa bàn, kịp thời kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện các nội dung vướng mắc liên quan để xem xét, xử lý theo thẩm quyền; công khai việc thu hồi vốn quay vòng để luân chuyển theo quy định của pháp luật.

2. Theo dõi, giám sát của cộng đồng.

a) Nội dung

Theo dõi, kiểm tra, giám sát sự phù hợp của các nội dung thực hiện với nội dung được quy định tại Quy định này và các quy định có liên quan khác của pháp luật.

Theo dõi, kiểm tra việc tổ chức triển khai, tiến độ thực hiện hoạt động quản lý, tổ chức quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng của từng dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng trên địa bàn và chấp hành các quy định khác của pháp luật hiện hành.

Phát hiện những việc làm xâm hại đến lợi ích của cộng đồng, những tác động tiêu cực của dự án đến môi trường sinh sống của cộng đồng trong quá trình thực hiện, vận hành dự án, phương án.

Phát hiện những việc làm gây lãng phí, thất thoát vốn thuộc dự án.

Việc thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện dự án có liên quan đến hoạt động quản lý, tổ chức quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng.

b) Trình tự, quy trình giám sát của cộng đồng.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan liên quan: Lập kế hoạch giám sát của cộng đồng đối với dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng thực hiện hàng năm trên địa bàn xã; Chủ trì thành lập Ban Giám sát của cộng đồng cho từng dự án, phương án hỗ trợ. Thành phần của Ban ít nhất 5 người, gồm đại diện Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam cấp xã, Thanh tra nhân dân và đại diện người dân trên địa bàn; Thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, chủ đầu tư dự án, phương án về chương trình, kế hoạch đã đề ra và thành phần Ban giám sát của cộng đồng, chậm nhất 45 ngày trước khi thực hiện; Xác nhận các văn bản phản ánh, kiến nghị của Ban giám sát của cộng đồng trước khi gửi các cơ quan có thẩm quyền.

Ủy ban nhân dân cấp xã, chủ đầu tư thực hiện dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng: Cung cấp đầy đủ, trung thực, kịp thời tài liệu liên quan đến việc triển khai thực hiện dự án, phương án cho Ban giám sát của cộng đồng; Tạo điều kiện thuận lợi cho Ban giám sát của cộng đồng thực hiện việc giám sát theo quy định của pháp luật; Tiếp thu ý kiến giám sát và tăng cường các biện pháp thực hiện dự án, phương án.

Ban giám sát của cộng đồng: Tổ chức thực hiện giám sát của cộng đồng theo chương trình, kế hoạch đã đề ra; tiếp nhận các thông tin do công dân phản ánh để gửi tới các cơ quan quản lý có thẩm quyền; tiếp nhận và thông tin cho công dân biết ý kiến trả lời của các cơ quan quản lý có thẩm quyền về những kiến nghị của mình; Hướng dẫn, động viên cộng đồng tích cực thực hiện quyền giám sát của cộng đồng theo quy định của pháp luật; Định kỳ hoặc đột xuất lập và gửi các báo cáo cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã về kết quả giám sát của cộng đồng.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan.

1. Các sở, ngành là cơ quan thường trực thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh (gồm: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn):

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo dõi, tổng hợp báo cáo theo định kỳ, 06 tháng, hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện cơ chế quay vòng hỗ trợ thực hiện các dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng để luân chuyển trong cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

b) Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan thực hiện kiểm tra, thanh tra việc quản lý, sử dụng phần vốn thực hiện cơ chế quay vòng. Giải quyết các vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện cơ chế quay vòng.

c) Hướng dẫn xác định mức độ thiệt hại bởi những phát sinh ngoài dự kiến do các nguyên nhân thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn hoặc các nguyên nhân bất khả kháng khác đối với các dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng theo quy định tại Điều 4 Quy định này.

3. Sở Tài chính.

Phối hợp với sở, ngành liên quan thực hiện kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Quy định này. Phối hợp giải quyết các vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện, phản ánh kịp thời với cơ quan có thẩm quyền để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện.

a) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã, cộng đồng dân cư tổ chức xây dựng hồ sơ đề nghị dự án, phương án và tổ chức thực hiện công tác thẩm định dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng theo đúng quy định hiện hành và các nội dung được quy định này tại Quyết định này.

b) Căn cứ dự toán Ủy ban nhân dân tỉnh giao để phân bổ thực hiện các dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng đảm bảo đúng mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các dự án, phương án theo quy định.

c) Kiểm tra, thanh tra, đôn đốc chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan, ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện có hiệu quả cơ chế quay vòng trong cộng đồng.

d) Chỉ đạo phòng chuyên môn báo cáo kết quả thực hiện cơ chế quay vòng, quản lý, sử dụng vốn quay vòng theo định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc đột xuất về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ban Dân tộc để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chỉ đạo, hướng dẫn việc xây dựng hồ sơ đề nghị dự án, phương án. Thực hiện phối hợp trong công tác thẩm định hồ sơ đề nghị dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng.

b) Quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng do Ủy ban nhân dân cấp huyện giao.

c) Phối hợp chỉ đạo thực hiện công tác triển khai các dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng do cấp huyện thực hiện được triển khai trên địa bàn xã.

d) Định kỳ 6 tháng, hàng năm và đột xuất, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về tình hình thực hiện các dự án, phương án và tình hình thực hiện cơ chế quay vòng, quản lý, sử dụng vốn quay vòng (qua Phòng Lao động - Thương binh và

Xã hội, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế, Phòng Dân tộc). Đối với các dự án, phương án phải tạm dừng, hủy bỏ, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo kết quả và số tiền đã thu hồi theo quy định.

6. Đối với cộng đồng dân cư tham gia dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng.

Cộng đồng dân cư triển khai thực hiện các nội dung hoạt động của dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng đảm bảo tiến độ và hiệu quả. Thực hiện quản lý, tổ chức việc quay vòng luân chuyển vốn trong cộng đồng theo đúng quy định hiện hành và Quy định này. Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng định kỳ 6 tháng, hàng năm và tổng kết, hoặc đột xuất khi có yêu cầu, gửi Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 8. Điều khoản thi hành.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc, Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.